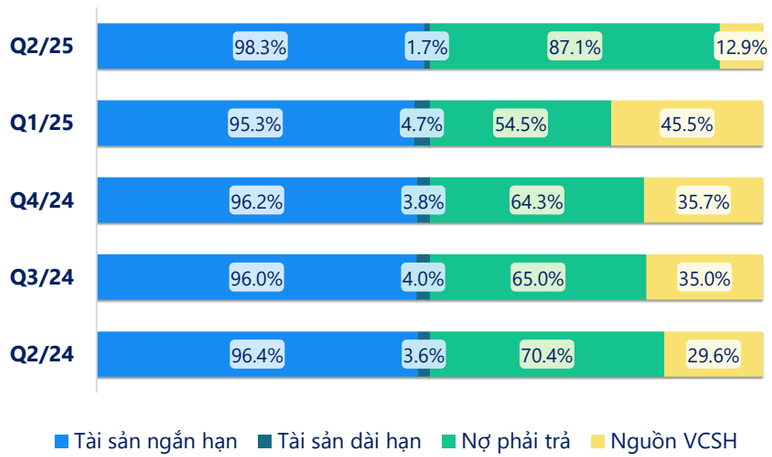
FireAnt

CTCP KASATI (HNX: KST)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	13,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,796
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,657
SL cổ phiếu LH	5,992,020
KLGD BQ 20 phiên (CP)	330
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	81
P/E	14.4
EPS	936

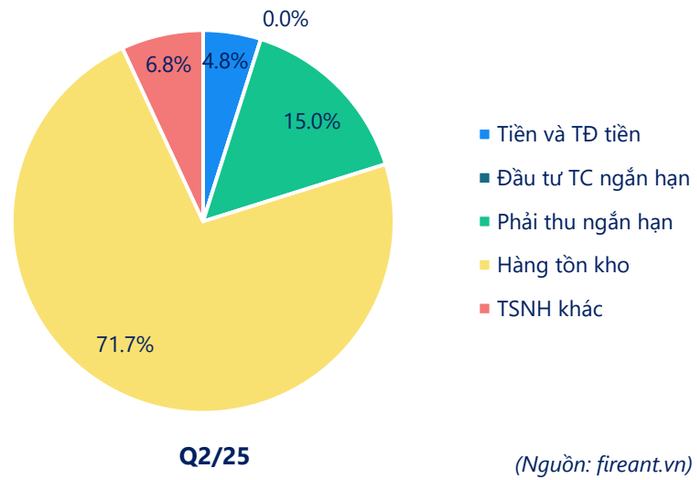
	YTD	1T	3T	6T
KST	11.2%	17.4%	4.8%	15.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



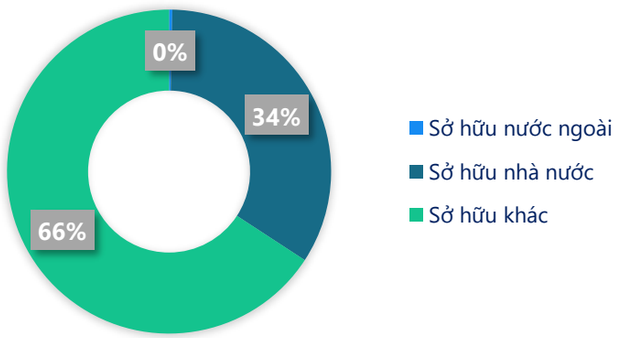
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



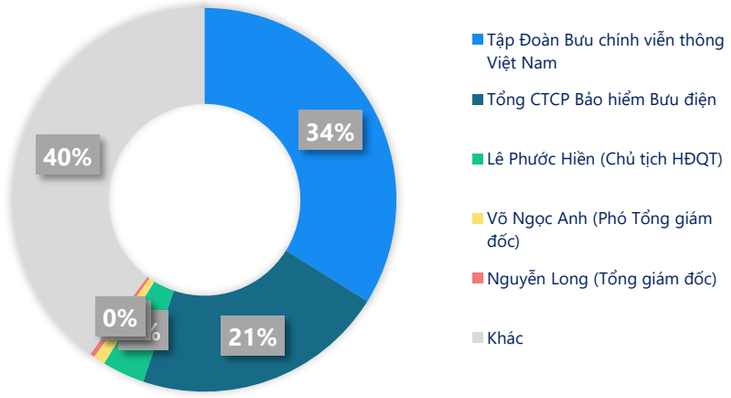
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



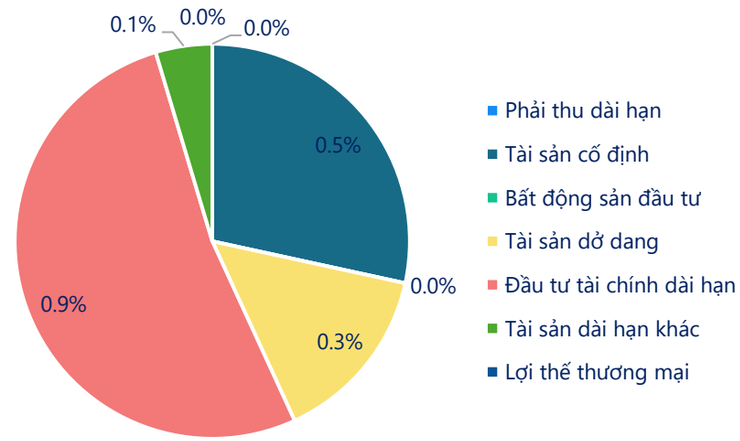
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

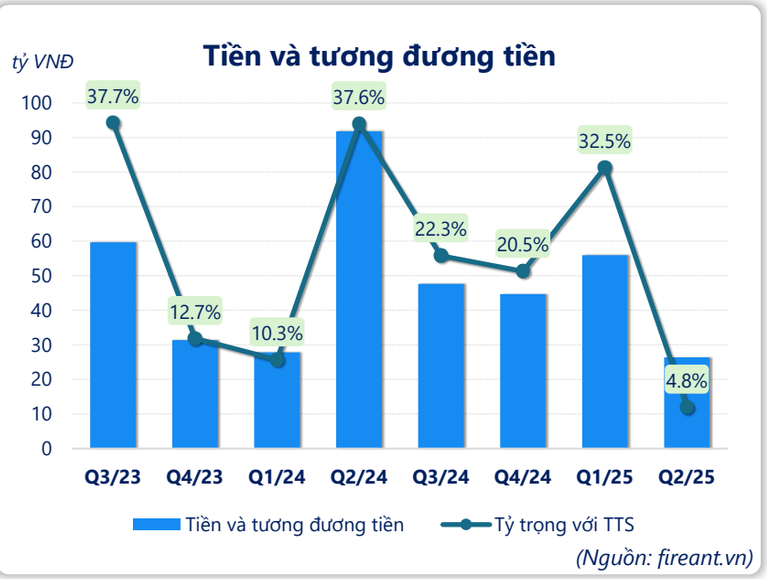
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



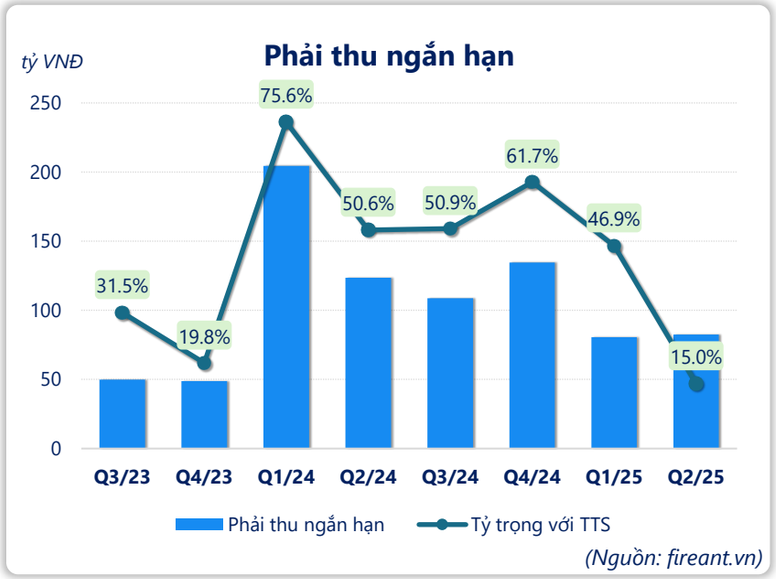
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

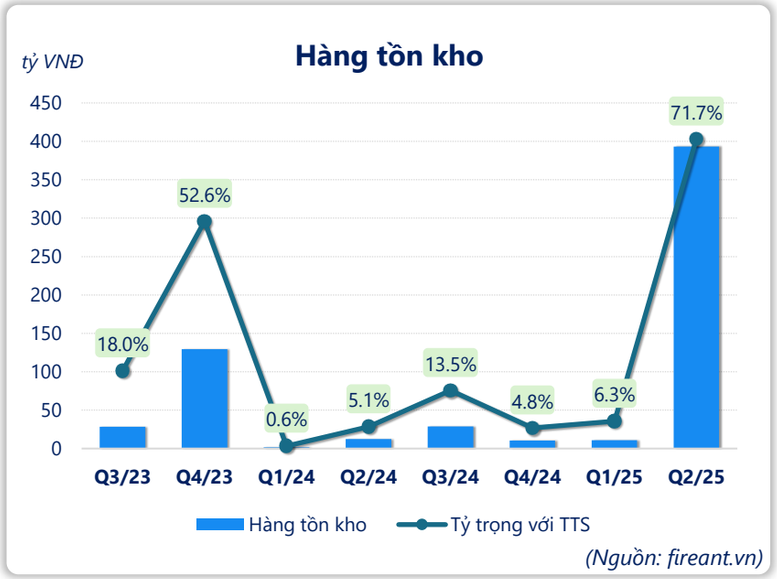
CTCP KASATI (HNX: KST)



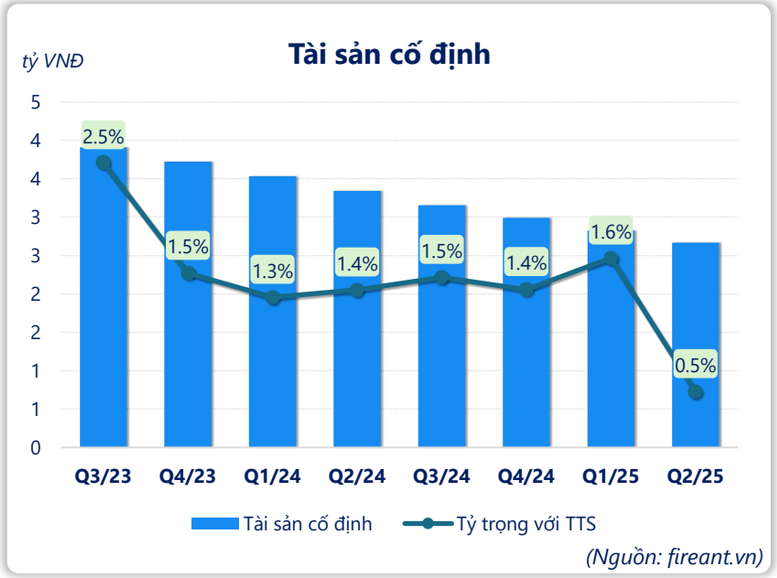
(Nguồn: fireant.vn)



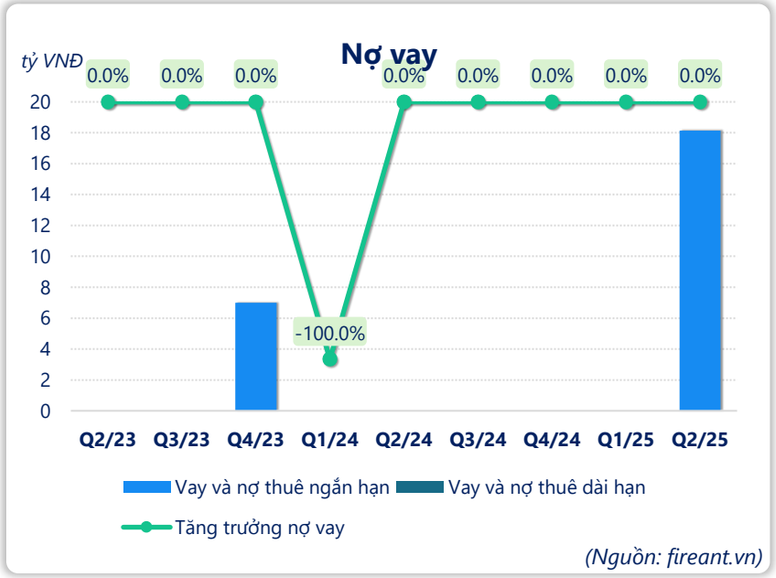
(Nguồn: fireant.vn)



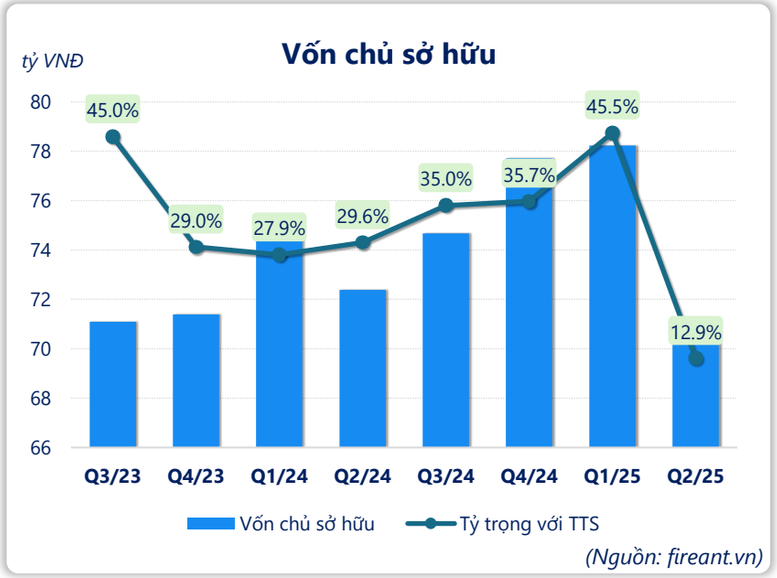
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

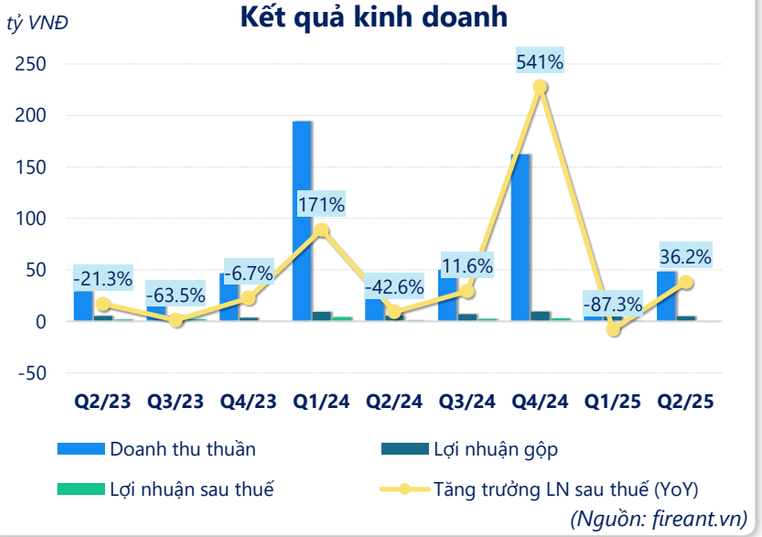


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

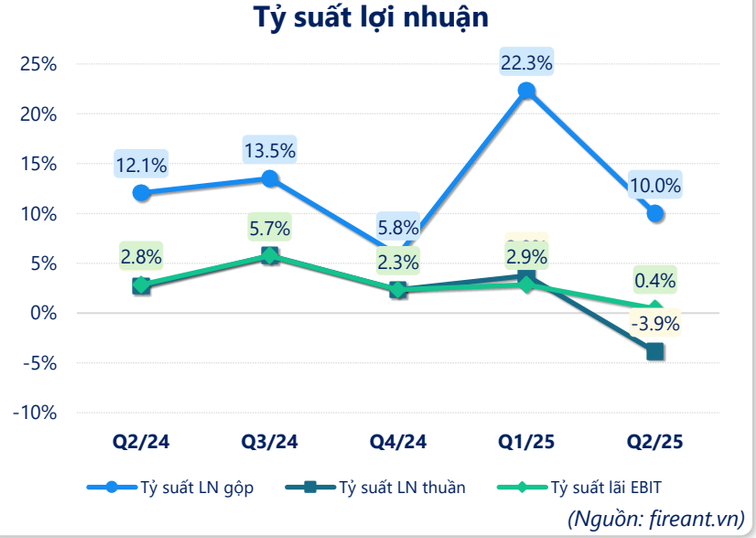
CTCP KASATI (HNX: KST)

Kết quả kinh doanh



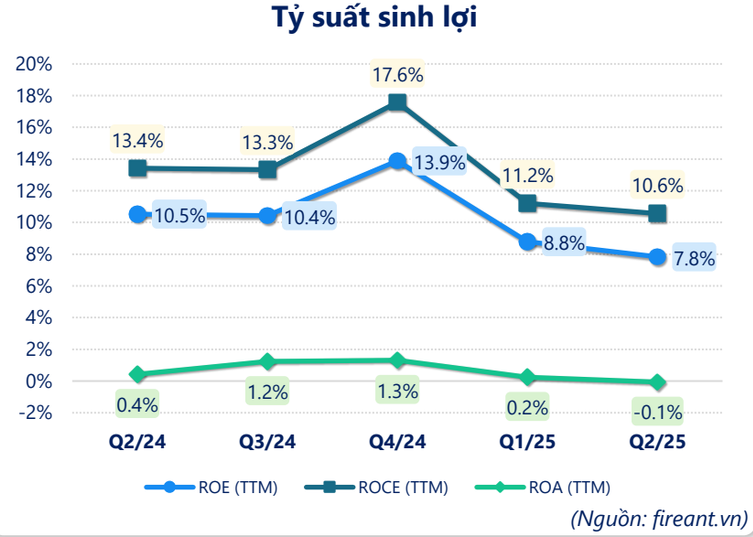
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



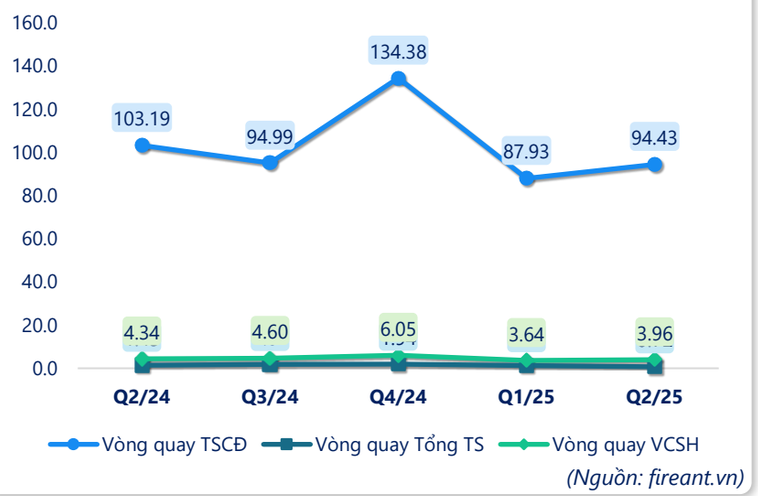
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



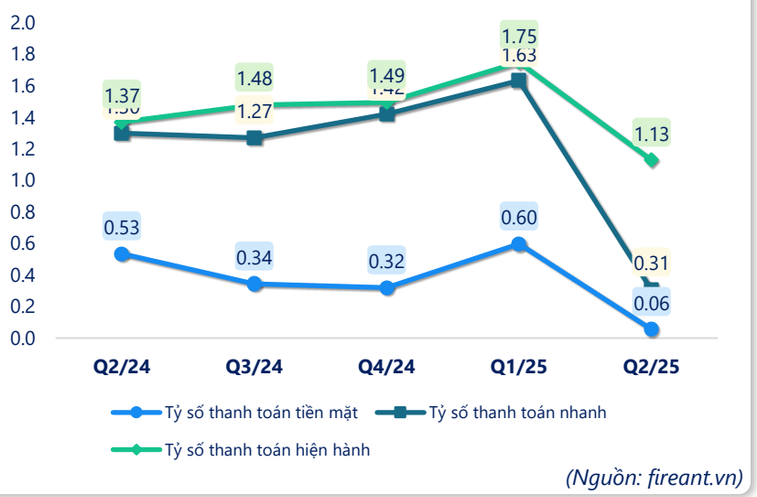
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



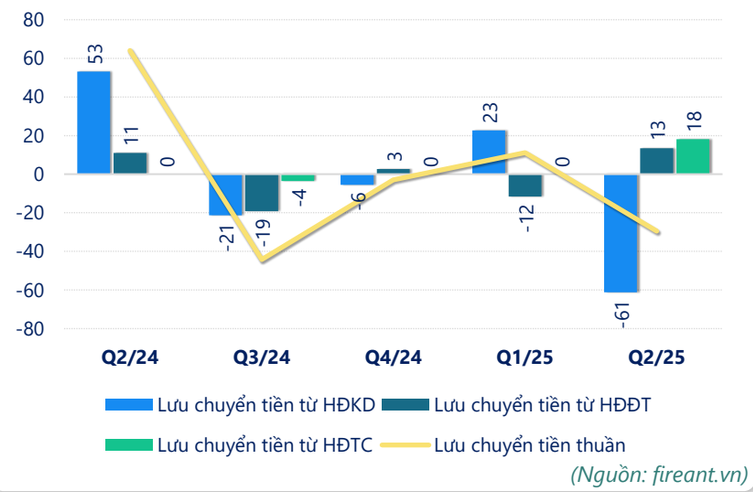
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP KASATI (HNX: KST)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**549**	**217**	**152%**
Tài sản ngắn hạn	539	209	158%
Tiền và tương đương tiền	26.3	44.7	-41.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	82.4	154	-46.4%
Hàng tồn kho	393	10.4	3666%
Tài sản ngắn hạn khác	37.3	0.09	40568%
Tài sản dài hạn	**9.38**	**8.40**	**11.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.67	2.99	-10.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.38	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	4.90	4.90	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.43**	**0.51**	**-14.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	478	140	242%
Nợ ngắn hạn	**478**	**140**	**242%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.1	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	393	80.6	388%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**70.7**	**77.7**	**-9.0%**
Vốn chủ sở hữu	**70.7**	**77.7**	**-9.0%**
Vốn điều lệ	59.9	59.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	44.4	50.2	162	23.0	48.5
Giá vốn hàng bán	39.0	43.4	153	17.8	43.6
Lợi nhuận gộp	5.36	6.78	9.43	5.13	4.84
Doanh thu HĐTC	2.24	1.44	3.25	0.15	1.09
Chi phí TC	1.67	0.10	0	0	3.34
Chi phí lãi vay	0.10	0	0	0	0.10
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	4.73	5.22	8.88	4.42	4.45
LN thuần từ HĐKD	1.20	2.89	3.80	0.87	-1.87
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.01	0	-0.21	1.98
LN trước thuế	1.16	2.88	3.80	0.66	0.12
Lợi nhuận sau thuế	0.90	2.29	3.04	0.53	-0.25
LNST của CĐ cty mẹ	0.90	2.29	3.04	0.53	-0.25

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	53.1	-21.4	-5.56	22.7	-61.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.9	-19.2	2.67	-11.6	13.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-3.60	0	0	18.1
Tiền đầu kỳ	27.8	91.8	47.6	44.7	55.9
Lưu chuyển tiền thuần	**64.0**	**-44.2**	**-2.90**	**11.2**	**-29.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	91.8	47.6	44.7	55.9	26.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic